TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **_____**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **_____**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Minh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Hưng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 447/2018/TL - HNGĐ ngày 17/8/2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXX-ST ngày 05/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 119/QĐHPT-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh A - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị B - sinh năm 1980.

Địa chỉ: tổ X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2018 và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh A trình bày:

- Về tình cảm: Anh A và chị B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội ngày 20/3/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách trái

ngược nhau, trong gia đình không có tiếng nói chung, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bản thân anh A đã rất cố gắng để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến nay mâu thuẫn đã ở mức độ trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn. Vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân từ nhiều năm nay. Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

- Về con chung: Anh A và chị B có 02 con chung là C, sinh ngày 24/11/2008 và D, sinh ngày 09/10/2011. Ly hôn, anh A đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Mức thu nhập bình quân của anh A hiện tại 10.500.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên anh A không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

* Tại bản tự khai ngày 29 tháng 8 năm 2018 và các buổi làm việc tại Tòa án ngày 04/9/2018 và 27/9/2018, bị đơn chị B trình bày:

- Về tình cảm: Chị B hoàn toàn nhất trí với ý kiến trình bày của anh A về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức độ trầm trọng, không có tiếng nói chung. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Tại buổi làm việc ngày 05/10/2018, chị B vẫn khẳng định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn vì các con còn quá nhỏ.

- Về con chung: Chị B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là C, sinh ngày 24/11/2008 và D, sinh ngày 09/10/2011. Nếu phải ly hôn, chị B đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh A có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000(Hai triệu)đồng/tháng.

Mức thu nhập bình quân của chị B hiện tại là 15.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công nợ và nhà ở: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên chị B không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa anh A vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị B và giữ nguyên những ý kiến đã trình bày về con chung, tài sản chung, nhà ở và công nợ. Về phía chị B đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất chị B Vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên Tòa và đã có thông báo cho chị B về việc hoãn phiên tòa. Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị B vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình tranh tụng, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy nhận thấy Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ các chứng cứ, thực hiện trình tự cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đúng quy định; Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự nguyên đơn anh A đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn chị B đã được tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; **xử:**

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh A. Cho anh A được ly hôn chị B.

Về con chung: Giao hai cháu C, sinh ngày 24/11/2008 và cháu D, sinh ngày 09/10/2011 cho chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh A có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung là 3.000.000(Ba triệu)đồng/tháng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh A và chị B có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, vay nợ, chỗ ở sau ly hôn, do anh A, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh A có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị B tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn chị B; Nơi cư trú: Tổ X, phường Y, quận Z, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Anh A và chị B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố Hà Nội ngày 20/3/2008, nên quan hệ hôn nhân giữa anh A và chị B là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không yêu thương, tôn trọng, tin tưởng, quan tâm đến nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nay cả hai đều xác định tình cảm không còn. Về phía anh A cương quyết xin ly hôn. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, tuy nhiên chị không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Lý do chị B không đồng ý ly hôn không phải là căn cứ để tồn tại hạnh phúc gia đình. Thực tế tình trạng hôn nhân của anh A và chị B đã ở mức độ trầm trọng kéo dài, các bên đã có rất nhiều thời gian tự hòa giải và Tòa án trực tiếp hòa giải nhiều lần, tuy nhiên cũng không đạt kết quả. vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cuộc hôn nhân của anh A và chị B không còn tuân thủ Điều

19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh A, cho anh A được ly hôn với chị B.

[3] Về con chung: Anh A và chị B xác nhận vợ chồng có 02 con chung là C, sinh ngày 24/11/2008 và D, sinh ngày 09/10/2011. Ly hôn anh A đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị B phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về phía chị B cũng đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh A phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000(Hai triệu)đồng/tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: từ nhỏ đến nay cả hai con chung vẫn cùng chung sống với bố mẹ, các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, cả hai vợ chồng đều đang có công việc, thu nhập ổn định. Do đó để đảm bảo cho các con có có một đời sống tinh thần, điều kiện vật chất cũng như đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện một cách tốt nhất, nên giao cho: anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu C, sinh ngày 24/11/2008; Giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D, sinh ngày 09/10/2011 là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh A, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, công nợ chung, nhà ở: Anh A và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, nếu sau này có căn cứ, có yêu cầu thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Anh A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội(Biên lai thu số 0006220 ngày 13 tháng 8 năm 2018) nay được chuyển thành án phí.

Căn cứ điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A được ly hôn chị B .

2. Về con chung: Giao cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu C, sinh ngày 24/11/2008; Giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D, sinh ngày 09/10/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác.

Anh A, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, nhà ở: Anh A và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, nếu sau này có căn cứ, có yêu cầu thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Anh A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội(Biên lai thu số 0006220 ngày 13 tháng 8 năm 2018) nay được chuyển thành án phí .

Án xử công khai sơ thẩm. Anh A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Chị B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường M, quận N, HN;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thu Hiền